

Bản án số: 06/2024/LĐ-PT

Ngày 17-4-2024

V/v Đơn phương chấm dứt Hợp  
đồng lao động, tiền lương và trợ  
cấp chấm dứt Hợp đồng lao động

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Minh Hồng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Nguyễn Thành Công

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:** Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 06/2023/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động, tiền lương và trợ cấp chấm dứt Hợp đồng lao động.

Do bản án lao động sơ thẩm số 07/2023/LĐ-ST ngày 30-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 192/2024/QĐ-PT ngày 03-4-2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số B đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 23-11-2022):

1. Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1997; địa chỉ: Đường N, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội;

2. Bà Phùng Thị Huyền T, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ A khu G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Hoàng Vĩnh T1 - Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H;
2. Ông Nguyễn Văn T2 - Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H;
3. Ông Phạm Thế H2 - Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H;
4. Bà Lê Thu H3 - Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H.

- Bị đơn: Trường Cao đẳng C (Sau đây viết tắt là T3); địa chỉ: Số F đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T4 - chức vụ: Hiệu Trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 04-01-2023):

1. Ông Hoàng Mai S, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số D T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1971; nơi cư trú: Số B L, thành phố N, tỉnh Nam Định (Ngày 22-9-2023, người đại diện theo pháp luật có đơn đề nghị chấm dứt việc đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ);

3. Bà Vũ Thị Thanh H4; sinh năm 1967; nơi cư trú: Số A P, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định;

4. Ông Trần Văn P; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Số A G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà Phùng Thị Huyền T có mặt, các đương sự khác vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-11-2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Xuân H1 và bà Phùng Thị Huyền T trình bày:

1.1. Về quan hệ lao động giữa bà Vân H và T3:

- Ngày 18-8-2009, bà Vân H ký hợp đồng lao động số 145/2009/HĐLĐ-CĐNKTKT có thời hạn 12 tháng và hưởng 85% hệ số lương 2,34 vào làm việc tại Tổ bộ môn Chính trị - Pháp luật Trường Cao đẳng N từ ngày 19-8-2009 đến ngày 18-8-2010.

- Tháng 12-2009, bà Vân H nhận Quyết định của T3 về việc tiếp nhận và phân công viên chức số 66/2009/QĐ-CĐNKTKT, với nội dung bà Vân H đã

trúng tuyển kỳ thi tuyển viên chức năm 2009 của T3 nhận công tác tại Tổ bộ môn Chính trị - Pháp luật, công việc cụ thể là giáo viên, mã số ngạch A1-15.113.

- Tháng 6-2010, bà Vân H nhận Quyết định số 385/2010/QĐ-CĐNKTKT về việc điều động bà đến làm việc tại khoa Chính trị - Pháp luật - Ngoại ngữ của T3.

- Ngày 30-8-2010, bà Vân H ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 111/2010/HĐLĐ-CĐNKTKT và làm việc từ ngày 01-9-2010 là giáo viên khoa Chính trị - Pháp luật - Ngoại ngữ Trường Cao đẳng N và nhận Quyết định số 586/2010/QĐ-CĐNKTKT ngày 31-8-2010 về việc bổ nhiệm viên chức vào ngạch giáo viên trung học mã số A1-15.113 hưởng hệ số lương khởi điểm của ngạch giáo viên trung học bậc 1 hệ số 2,34 từ ngày 01-9-2010. Thời gian để tính nâng lương lần sau kể từ ngày 01-9-2010. Theo nội dung hợp đồng lao động số 111/2010/HĐLĐ-CĐNKTKT bà Vân H được trả lương hàng tháng, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ...

Quá trình giảng dạy và công tác tại T, bà Vân H không vi phạm kỷ luật, luôn hoàn thành tốt hoặc xuất sắc nhiệm vụ các năm học. Theo yêu cầu phát triển của T3, T3 khuyến khích cán bộ giáo viên đi học nâng cao và chuyển đổi ngành nghề, bà đã thi đỗ Cao học tại Trường Đại học Q và được T3 cử về xưởng thực tập may do T3 tổ chức. Tháng 3-2019 bà Vân H nhận thông báo số 25/TBCĐCNDM ngày 05-3-2019 và thông báo 36/TBCĐCNDM ngày 13-3-2019 về kết luận của Hiệu Trưởng tại buổi gặp mặt nhóm viên chức kết thúc thời gian đi liên hệ thực tập nâng cao kỹ năng nghề may thời trang và việc hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với viên chức kết thúc thời gian đi liên hệ thực tập nâng cao kỹ năng nghề may thời trang.

- Tháng 5-2021, bà Vân H nhận Quyết định số 112/QĐCĐCNDM ngày 26-4-2021 về việc chấm dứt hợp đồng lao động và Quyết định số 113/QĐCĐCNDM ngày 26-4-2021 về chi trả trợ cấp thôi việc.

1.2. Về việc T3 ra Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Vân H.

Trường Đ1 chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Vân H từ ngày 04-5-2021. Trước khi T3 ra Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bà Vân H không được thông báo hay tham gia các cuộc họp về việc T3 sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà. Bà Vân H cũng không có đơn đề nghị được tinh giản biên chế; cũng không được thông báo về việc bà thuộc diện tinh giản biên chế; cũng không làm đơn xin thôi việc; đơn xin nghỉ không hưởng lương mà là do đơn phương từ phía Trường cho bà nghỉ việc và mức chi trả trợ cấp của T3 là 14.348.700 đồng không đúng với khoản 1 Điều 10 Nghị định

108/2014-NĐCP ngày 20-11-2014 nên bà không nhất trí và thực tế T3 cũng chưa chi trả số tiền này cho bà Vân H, cũng chưa nhận bất kỳ khoản trợ cấp nào từ T3.

T3 chấm dứt hợp đồng lao động với bà Vân H là viên chức với lý do tinh giản biên chế không đúng trình thủ tục bởi Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Vân H không có lý do; T3 không thông báo và vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Vân H; T3 không tuân thủ trình tự tinh giản biên chế như không tuyên truyền, phổ biến chính sách tinh giản biên chế, không xây dựng đề án tinh giản biên chế, không lập danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế theo Điều 14, Điều 15 Nghị định 108/2014-NĐCP ngày 20-11-2014.

Ngoài ra, bà Vân H xác nhận đã nhận Quyết định thôi việc, sổ bảo hiểm xã hội, bảng kê hỗ trợ viên chức nhưng không nhận được chế độ chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc của T3.

1.3. Về tiền lương: Trong quá trình công tác bà Vân H đều được nâng lương thường xuyên và tăng phụ cấp thâm niên nhà giáo. Lần gần nhất bà Vân H được nâng lương là từ ngày 01-9-2016 theo Quyết định số 372/QĐ-CĐNKTKT ngày 09-9-2016. Chế độ bảo hiểm của bà Vân H được đóng đầy đủ hàng tháng theo quy định, tính đến ngày 30-4-2021, bà Vân H không có tranh chấp gì về chế độ bảo hiểm với T3. Cụ thể: Quá trình công tác, lương và phụ cấp của bà Vân H như sau:

- Từ ngày 18-9-2009 đến ngày 31-8-2010 trong thời gian tập sự, thử việc hưởng 85% hệ số lương 2,34 bậc 1; từ ngày 01-9-2010 đến ngày 31-8-2013 hưởng bậc 1 hệ số 2,34; từ ngày 01-9-2013 đến ngày 31-8-2016 hưởng bậc 2 hệ số 2,67; từ ngày 01-9-2016 đến ngày 03-05-2021 hưởng bậc 3 hệ số 3,00.

- Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Từ ngày 01-9-2015 đến ngày 31-8-2016 hưởng 5%; từ ngày 01-9-2016 đến ngày 31-8-2017 hưởng 6%; từ ngày 01-9-2017 đến ngày 03-05-2021 hưởng 7%.

Tại thời điểm T3 ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động thì bà Vân H đang hưởng mức lương và thu nhập (Tính theo sổ bảo hiểm) cụ thể: Lương 4.782.900 đồng/tháng, phụ cấp ưu đãi 30% = 1.434.870 đồng/tháng. Tổng cộng là 5.621.696 đồng/tháng (Số tiền đã trừ bảo hiểm).

Quá trình làm việc tại T, bà Vân H nhận được đầy đủ tiền lương và phụ cấp đến tháng 12-2013 bằng hình thức chuyển khoản cho bà Vân H đến số tài khoản 711A22766023 (số tài khoản mới 104004927101) tại Ngân hàng V - Chi nhánh B.

Từ tháng 01-2014 cho đến thời điểm T3 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì bà Vân H không nhận được lương và phụ cấp.

T3 là đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội. Bà Vân H là viên chức nếu T3 thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với bà Vân H phải thực hiện theo quy định tại Điều 10, 12, 14, 15 Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014. Do đó bà Vân H yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc T3 có trách nhiệm trả các khoản tiền trợ cấp cho bà Vân H theo chính sách tinh giản biên chế. Cụ thể là:

+ Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng:  $03 \text{ tháng} \times 5.621.696 \text{ đồng (Lương hiện hưởng)} = 16.865.088 \text{ đồng}$ .

+ Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương (Trung bình lương 60 tháng trước tinh giản biên chế) cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội:  $11 \text{ năm} \times 08 \text{ tháng} \times 5.112.489 \text{ đồng} = 92.024.802 \text{ đồng}$ .

- Buộc T3 có trách nhiệm trả số tiền lương còn nợ bà Vân H (Tính từ 01-01-2014 đến ngày 30-4-2021) là 410.591.620 đồng.

- Buộc T3 trả cho bà Vân H số tiền lương trong những ngày bà Vân H không được làm việc và trả thêm 06 tháng tiền lương từ ngày 01-5-2021 đến ngày 25-8-2023 (Ngày hòa giải tại Tòa án) là 28 tháng 27 ngày = 190.200.715 đồng.

- Yêu cầu Tòa án hủy “Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc” với bà Vân H do T3 ban hành trái pháp luật. Buộc T3 phải thực hiện lại quy trình tinh giản biên chế theo đúng trình tự, thủ tục quy định về việc tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Buộc T3 có trách nhiệm bồi thường cho bà Vân H các khoản chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng.

- Buộc T3 phải xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của B1 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật.

Tổng cộng là: 719.682.225 đồng và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Hoàng Mai S, ông Trần Văn P, bà Vũ Thị Thanh H4 trình bày:

2.1. Về tư cách pháp lý:

Trường tiền thân là Trường C được thành lập theo Quyết định số 934/BCNN ngày 25-7-1968 của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-9-1996 T3 được đổi tên thành Trường C trực thuộc Tổng Công ty D2 theo Quyết định số 2552/QĐ-TCCB của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-03-1998 T3 được đổi tên thành Trường C trực thuộc Tổng Công ty D2 theo Quyết định số 17/1998/QĐ-BCN của Bộ C1. Năm 2003 T3 được nâng cấp thành Trường T6 - Kỹ thuật Dệt - May trực thuộc Tổng Công ty D2 theo Quyết định số 252/2003/QĐ-BCN ngày 31-12-2003 của Bộ C1. Đến năm 2007 T3 được nâng cấp thành Trường Cao đẳng C thuộc Tập đoàn D2 theo Quyết định số 612/QĐ-BLĐTBXH ngày 11-5-2007 của Bộ L2. Ngày 09-4-2009 T3 được đổi tên thành Trường Cao đẳng N thuộc Tập đoàn D2 theo Quyết định số 455/QĐ-BLĐTBXH của Bộ L2. Ngày 07-02-2017 T3 được đổi tên thành Trường Cao đẳng C theo Quyết định số 133/QĐ-LĐTBXH của Bộ L2.

Ngày 06-5-2014 Tập đoàn D2 được phê duyệt phương án Cổ phần hóa theo Quyết định số 646/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ sở hữu Nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ. Theo phương án Cổ phần hóa, giá trị các đơn vị sự nghiệp thuộc phần vốn Nhà nước. Tập đoàn tiếp tục hưởng các cơ chế tài chính đối với các Trường đào tạo trong ngành Dệt - May theo Thông tư số 32/2010/TT-BTC ngày 09-3-2010 của Bộ T7 về thực hiện “Chiến lược phát triển ngành Công nghiệp Dệt - D2 đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”. Theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-06-2015 về việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn D2 thì Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D2 quản lý vốn, tài sản, nhân sự của 07 đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn trước đây.

## 2.2. Về tài chính:

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020 T3 được thụ hưởng một phần nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ “Đề tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức thực hiện đào tạo” theo chương trình đào tạo nguồn nhân lực Dệt - D2 của Thông tư số 32/2010/TT-BTC ngày 09-03-2010 của Bộ T7. Nguồn kinh phí chỉ hỗ trợ cho 03 ngành là dệt may; thiết kế thời trang; dệt nhuộm, trên tổng số 12 ngành nghề mà T3 tuyển sinh và đào tạo trong giai đoạn từ 2010 - 2020. Từ năm 2021, ngân sách Nhà nước không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực D - May, T3 thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự bào trách nhiệm theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-03-2021 của Thủ tướng Chính phủ.

## 2.3. Về việc xác lập quan hệ lao động với bà Vân H:

Giữa T3 và bà Vân H đã xác lập quan hệ lao động theo hợp đồng lao động 12 tháng số 145/2009/HĐLĐ-CĐNKTKT ngày 18-8-2009 đến ngày 30-8-2010 ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 111/2010/HĐLĐ-CĐNKTKT và bổ nhiệm viên chức vào ngạch giáo viên trung học mã số A1-15.113 theo

Quyết định số 586/2010/QĐ-CĐNKTKT ngày 31-8-2010. Trước khi ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, bà Vân H có thời gian tập sự, thử việc từ ngày 18-8-2009 đến ngày 31-8-2010 hưởng 85% hệ số lương 2,34 bậc 1/9 mã ngạch AI-15.113.

Quá trình công tác bà Vân H đã được T3 điều động làm việc tại các khoa của T3. Cụ thể:

- Ngày 19-8-2009 bà Vân H được T3 ký hợp đồng làm việc tại Tổ bộ môn Chính trị - Pháp luật theo hợp đồng lao động số 145/2009/HĐLĐ- CĐNKTKT ngày 18-8-2009 đến ngày 01-4-2016 được cử đi đào tạo (Chuyển đổi nghề) văn bằng 2 Cao đẳng chính quy nghề May thời trang.

- Ngày 01-7-2018 điều động bà Vân H đến xưởng thực nghiệm may theo Quyết định số 226/QĐ-CĐCNDM ngày 26-6-2018.

- Ngày 31-8-2018 bà Vân H xin Ban Giám hiệu tự đi liên hệ thực tập nâng cao kỹ năng nghề 06 tháng. Sau khi kết thúc thời gian thực tập nâng cao kỹ năng nghề bà Vân H có nguyện vọng cá nhân không lên xưởng thực nghiệm mà xin đăng ký đồng ý chủ trương xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế của T3 (Thông báo số 25/TB-CĐCNDM ngày 05-3-2019 của Hiệu Trưởng về việc kết luận gặp mặt nhóm viên chức kết thúc thời gian đi thực tập nâng cao kỹ năng nghề may; danh sách đăng ký đồng ý chủ trương xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế của T3 ngày 13-3-2019 của nguyên đơn).

L và phụ cấp thâm niên nhà giáo của bà Vân H cụ thể như sau:

- Từ ngày 18-9-2009 đến ngày 31-8-2010 trong thời gian tập sự, thử việc hưởng 85% hệ số lương 2,34 bậc 1; từ ngày 01-9-2010 đến ngày 31-8-2013 hưởng bậc 1 hệ số 2,34; từ ngày 01-9-2013 đến ngày 31-8-2016 hưởng bậc 2 hệ số 2,67; từ ngày 01-9-2016 đến ngày 03-05-2021 hưởng bậc 3 hệ số 3,00.

- Phụ cấp thâm niên hưởng 5% từ ngày 01-9-2015 đến ngày 31-8-2016; 6% từ ngày 01-9-2016 đến ngày 31-8-2017; 7% từ ngày 01-9-2017 đến ngày 03-05-2021 (Trong thời gian từ ngày 01-07-2018 đến ngày 03-05-2021 bà Vân H không làm việc, giảng dạy; thời gian làm việc, giảng dạy chưa đủ để tính tăng % thâm niên tiếp theo).

T3 đã thanh toán tiền lương cho bà Vân H từ thời điểm ngày 18-9-2009 đến ngày 30-6-2018; thanh toán phụ cấp thâm niên nhà giáo từ ngày 01-9-2015 đến ngày 30-6-2018.

Chế độ bảo hiểm của bà Vân H được T3 trích đóng hàng tháng cụ thể như sau: Bà Vân H phải trích tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm lương theo ngạch (Chức danh nghề nghiệp), bậc, phụ cấp thâm niên nhà giáo; tỷ

lệ trích đóng bảo hiểm xã hội là 8%, bảo hiểm y tế là 1,5%, bảo hiểm thất nghiệp (Thực hiện từ ngày 01-01-2009) là 1%, tổng là 10,5%. Trường T3 là 17%, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp là 0,5%, bảo hiểm y tế là 3%, bảo hiểm thất nghiệp (Thực hiện từ ngày 01-01-2009) là 1%, tổng là 21,5%. Tổng tỷ lệ của T3 và bà Vân H phải đóng là 32% tiền lương theo ngạch (Chức danh nghề nghiệp), bậc, phụ cấp thâm niên nhà giáo của bà Vân H. T3 đã thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm cho bà Vân H từ thời điểm bà Vân H bắt đầu về T làm việc đến thời điểm bà Vân H thôi việc theo quy định của Cơ quan Bảo hiểm Xã hội. Sau khi bà Vân H thôi việc T3 đã chốt sổ và bàn giao sổ bảo hiểm xã hội cho bà Vân H.

Quá trình công tác thì bà Vân H không được khen thưởng và không vi phạm kỷ luật gì.

Tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động thì bà Vân H hưởng lương bậc 3/9 hệ số 3,0. Phụ cấp thâm niên nhà giáo được hưởng là 7%. Tổng cộng lương và phụ cấp là: 4.782.900 đồng.

#### 2.4. Về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Vân H:

Trường chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Vân H kể từ ngày 04-05-2021 theo Quyết định số 112/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu Trưởng T3 và chi trả trợ cấp thôi việc và hỗ trợ thôi việc theo Quyết định số 113/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu Trưởng T3. Trường căn cứ điểm d khoản 1 Điều 29 của Luật Viên chức số 58/2010/QH12 để thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 39 Nghị định hợp nhất số 03/NĐHN-BNV ngày 21-5-2019 của Bộ N1; điểm a, b, d khoản 1 Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-09-2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức để thực hiện chi trả trợ cấp thôi việc đối với viên chức theo quy định đồng thời hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng cụ thể là 14.348.700 đồng để bà Vân H tìm kiếm việc làm.

Trước khi thực hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động với các giáo viên trong diện chấm dứt thì T3 đều đã thông báo tới toàn thể các tổ chức Đảng, Đoàn thể, các đơn vị trực thuộc, toàn bộ cán bộ, viên chức, giáo viên và công nhân viên trong toàn T3 và bà Vân H theo hình thức bằng văn bản và trực tiếp thông báo cho bà Vân H. Do không còn công việc phù hợp nên T3 không thể bố trí công việc mới cho bà Vân H. Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo từ Tập đoàn D2 nên T3 buộc phải thu hẹp quy mô và phải chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Vân H.

Ban Giám hiệu phối hợp với các tổ chức Đoàn thể, các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện, thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc xây dựng và ban hành



các kế hoạch, phương án, thông báo, chế độ chính sách, hướng dẫn và phiếu đánh giá, chấm điểm phân loại từng cá nhân tự đánh giá sau đó đơn vị trực tiếp quản lý viên chức đánh giá đến tổ giúp việc, Ban Chỉ đạo đánh giá tổng hợp báo cáo Ban Giám hiệu trình Đảng uỷ và Hội đồng T3 Quyết định lựa chọn những viên chức để giữ lại làm việc và thực hiện các bước chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định những viên chức dôi dư.

Trước khi ra Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Vân H, T3 đã gặp mặt, giải thích; thông báo thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc (Thông báo số 33/TT-CĐCNDM ngày 11-3-2021 của Hiệu Trường T3 về việc triệu tập cuộc họp về việc thông báo chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức; biên bản cuộc họp gặp mặt, trao đổi, đối thoại, thông báo thời điểm T3 chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức ngày 15-3-2021). T3 có lập biên bản làm việc với bà Vân H về việc triệu tập cuộc họp thông báo chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Vân H. Bà Vân H có mặt, không ký biên bản, do đó Trường không vi phạm thời hạn báo trước đối với bà Vân H.

Sau khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Vân H, T3 đã giao cho bà Vân H Quyết định thôi việc, hồ sơ viên chức; sổ bảo hiểm xã hội và chi trả hỗ trợ thôi việc của Trường C2 (Số tháng hỗ trợ thôi việc là 03 tháng với số tiền là: 14.348.700 đồng) theo chứng từ chi tiền mặt ngày 26-7-2021 với số tiền là 10.733.494 đồng và chuyển khoản ngày 07-10-2021 với số tiền là 3.635.006 đồng.

2.5. T3 thực hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng còn do những lý do bất khả kháng như sau:

- Trường vẫn thuộc Tập đoàn D2 tạm giao quản lý không có cơ chế chính sách hỗ trợ T3 như các Trường công lập trực thuộc Chính phủ, Bộ, Địa phương (Vì Tập đoàn đã Cổ phần hoá);

- Cuối năm 2019, năm 2020 và đầu năm 2021 đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Chính phủ xiết chặt công tác kiểm soát dịch bệnh, đi lại của toàn xã hội làm ảnh hưởng lớn đến công tác tiếp thị tuyển sinh tới người học và phụ huynh do đó số lượng tuyển sinh, nguồn thu tài chính mất cân đối thu chi, nhiều giáo viên không bố trí được việc làm;

- Theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-03-2021 của Chính phủ Quyết định từ năm 2021 trở đi, ngân sách Nhà nước không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực D - May, T3 thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự bào trách nhiệm theo quy định. Vì vậy, T3 không được Nhà nước cấp ngân sách chi cho hoạt động thường xuyên, không có ngân sách cấp hỗ trợ đào tạo nên duy trì hoạt động bằng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, hợp tác đào tạo, khoa học, công

nghệ, dịch vụ sản xuất, liên doanh liên kết theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn D2 giao nhiệm vụ cho T3 bằng mọi cách thu hẹp quy mô và giản biên chế tới mức tối đa có thể;

- Trong bối cảnh từ năm 2014 đến nay công tác tuyển sinh khó khăn, mất cân đối thu chi, nhân lực dôi dư không bố trí được việc làm (Lãnh đạo T3 đã tìm mọi giải pháp để khắc phục khó khăn, cho giáo viên học tập, bồi dưỡng để chuyển đổi vị trí việc làm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên liên hệ chuyển công tác, làm việc bên ngoài để lo cho đời sống, bố trí nhà xưởng cho cán bộ công nhân viên có việc làm nhưng giáo viên không có nhu cầu làm việc mới).

Do tình hình hoạt động của T3 bất khả kháng về bố trí việc làm và nguồn kinh phí không đủ chi trả tiền lương, bảo hiểm do đó T3 đã thực hiện các bước quy trình giải quyết lao động dôi dư theo quy định của pháp luật.

Các lý do trên đều là lý do bất khả kháng buộc T3 phải thu hẹp quy mô, khiến vị trí việc làm mà bà Vân H đang đảm nhận không còn nữa và T3 buộc phải đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Vân H.

Buổi hòa giải tại Liên đoàn lao động thành phố N ngày 22-11-2021, bà Vân H đã ủy quyền cho ông Phạm Thế H2 tham gia. Kết quả hòa giải không thành công. Tại buổi hòa giải đại diện T3 không có ý kiến chấm dứt hợp đồng với bà Vân H theo hình thức tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Do bất khả kháng giản quy mô, T3 tinh giản biên chế theo Luật Viên chức.

Các văn bản Tập đoàn D2 và Chính phủ đã ban hành tạo cơ sở pháp lý cho việc xét tinh giản biên chế của T3: Căn cứ Công văn số 1052/TĐDMVN-QLNNL ngày 11-12-2018 của Tập đoàn D2 về việc công tác cán bộ và tái cơ cấu tổ chức bộ máy T3; Công văn số 31/TĐDMVN-QLNNL ngày 10-01-2020 của Tập đoàn D2 về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của T3; Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-3-2021 của Chính phủ. Từ các văn bản của Tập đoàn, Chính phủ và tình hình thực tế làm cơ sở để T3 chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Vân H theo quy định.

Bà Vân H là đối tượng T3 xét tinh giản biên chế theo hình thức T3 đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc theo điểm b khoản 1 Điều 57 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-9-2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; điểm d khoản 1 Điều 29 Luật Viên chức số 58/2010/QH12.

2.6. Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Vân H, quan điểm của T3 như sau:

- Về yêu cầu buộc T3 có trách nhiệm chi trả số tiền lương còn nợ tính từ ngày 01-01-2014 đến ngày 30-4-2021 là 410.591.620 đồng. Quan điểm của T3 là tiền lương được tính theo công thức sau: Lương thực lĩnh = {(L cơ bản x hệ số lương theo bậc) - số tiền bảo hiểm phải đóng} : 22 ngày công x số ngày công thực tế (Các ngày mà giáo viên có giờ dạy thực tế). Lương tháng của bà Vân H phụ thuộc vào ngày công chấm đi làm, ngày nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ phép, nghỉ ốm, thai sản, làm thêm giờ, ... Thời gian bà Vân H làm việc được chia làm 03 giai đoạn:

+ Từ tháng 01-2014 đến tháng 4-2016 đi làm bình thường và tiền lương được thực hiện theo Quyết định số 229/QĐ-CĐNKTKT ngày 27-05-2014 về việc ban hành thực hiện thí điểm cơ chế “Khoán công việc, tự chủ một phần tiền lương”.

+ Từ tháng 5-2018 đến tháng 6-2018 bà Vân H tham gia lớp học chuyển đổi may do T3 tổ chức. Bà Vân H được thực hiện theo quy chế chi trả tiền lương của T3.

+ Từ tháng 7-2018 đến ngày 04-05-2021 (Chấm dứt hợp đồng lao động) bà Vân H nhận nhiệm vụ và nhận thanh toán tiền lương theo Quyết định số 226/QĐ-CĐCNDM ngày 26-6-2018 về việc điều động viên chức tham gia thực hành nâng cao kỹ năng nghề may thời trang. Thời điểm này bà Vân H không nhận nhiệm vụ. Ngày 04-7-2018, xưởng may có văn bản báo cáo với T3.

Căn cứ khối lượng làm việc của bà Vân H, Trưởng khoa chấm công, chuyển bộ phận Tổ chức - Hành chính kiểm tra đối chiếu, ra soát trình Hiệu T5 ký và chuyển sang kế toán chi trả lương.

Về phụ cấp thâm niên nhà giáo: Căn cứ nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04-7-2011 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 68/2021/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTĐBXH ngày 30-12-2021 của Bộ G - Bộ N1 - Bộ T7 - Bộ L2 để chi trả thâm niên nhà giáo. Cụ thể đối với trường hợp của bà Vân H đại diện của T3 đã trình bày ở phần trên.

Về phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy: Trường thực hiện theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06-10-2005 của Thủ tướng chính phủ; Thông tư số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23-01-2006 của Bộ G - Bộ N1 - Bộ T7; Quy chế chi tiêu nội bộ của T3. T3 chỉ có nguồn thu từ đơn vị sự nghiệp nên đã vận dụng chi trả cho giáo viên. Trong thời gian bà Vân H đi học nghề thì không được hưởng 30% phụ cấp nghề và T3 cũng căn cứ các văn bản trên để chi trả phụ cấp cho bà Vân H.

Bảng kê tính lương của bà Vân H có một số nội dung không căn cứ theo quy định của Chính phủ, Bộ N1, Bộ T7, bảo hiểm xã hội cũng như quy chế nội bộ của T3. Tại thời điểm bà Vân H nghỉ việc, lương thực hưởng của bà Vân H là 4.782.900 đồng. Trường xác định đã thanh toán đầy đủ tiền lương từ ngày 01-01-2014 đến ngày 30-4-2021 cho bà Vân H đồng thời T3 yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu này để xác định yêu cầu khởi kiện đòi tiền lương của bà Vân H đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Về yêu cầu của bà Vân H buộc T3 có trách nhiệm chi trả các khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giản biên chế. Quan điểm của T3 không đồng ý vì bà Vân H không thuộc trường hợp nghỉ việc theo chính sách tinh giản biên chế mà thuộc trường hợp Trường đơn phương chấm dứt hợp đồng (Áp dụng theo Luật Viên chức và Nghị định 115/2020/NĐ-CP, Điều 39 Nghị định hợp nhất số 03/2019 ngày 21-5-2019 của Bộ N1). T3 là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D2 quản lý theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-6-2015 của Văn phòng C3. T3 không được Nhà nước cấp ngân sách bảo đảm chi thường xuyên cũng như đảm bảo một phần chi thường xuyên. Sau khi Tập đoàn D2 đã Cổ phần hoá, T3 cũng không thuộc phạm vi Cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện áp dụng tại Điều 1 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để giải quyết chế độ cho viên chức thôi việc. Để T3 được vận dụng Nghị định số 108/2014/NĐ-CP cần phải có ý kiến của Tập đoàn D2 và được sự phê duyệt của 05 bộ (Bộ N1, Bộ T7, Bộ L2, Bộ K). T3 không có nguồn kinh phí thường xuyên và không được Nhà nước cấp nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Điều 13 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31-08-2018 của Chính phủ; Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. T3 chỉ là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp Nhà nước là Tập đoàn D2. Đến năm 2015 do Tập đoàn D2 Cổ phần hóa thì T3 chỉ là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D2 quản lý. Ngoài ra, bà Vân H không thuộc đối tượng áp dụng cũng như không thuộc đối tượng tinh giản biên chế vì theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để giải quyết chế độ cho viên chức thôi việc; Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Bà Vân H là viên chức thuộc doanh nghiệp đã Cổ phần hóa không phải là viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo khoản 2 Điều 1 Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014.

- Về yêu cầu buộc Trường D1 - May N trả cho bà Vân H số tiền lương trong những ngày bà Vân H không được làm việc và trả thêm 06 tháng tiền lương và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Quan điểm của T3 là bà Vân H không có cơ sở, căn cứ pháp lý. T3 đã thực hiện đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Vân H theo đúng quy định pháp luật.

- Về yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc của T3 đối với bà Vân H. Quan điểm của T3 là đã thực hiện việc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Vân H theo đúng quy định pháp luật về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Về yêu cầu buộc T3 có trách nhiệm bồi thường chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng. Quan điểm của T3 là không có nghĩa vụ phải bồi thường khoản tiền chi phí này cho bà Vân H.

- Về yêu cầu T3 phải xin lỗi bà Vân H công khai bằng văn bản, đăng ký ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của B1 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật. Quan điểm của T3 khẳng định đã thực hiện việc chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Vân H theo đúng quy định pháp luật.

3. Tại công văn số 215/TDDMVN-QLNNL ngày 105-2023 của Tập đoàn D2 phúc đáp đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định như sau:

- Về địa vị pháp lý của Trường Cao đẳng C: Trường Cao đẳng C tiền thân là T3 Công nhân kỹ thuật trực thuộc Nhà máy C. Từ năm 2003 T3 được nâng cấp và giao cho Tập đoàn D2 để thực hiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực dệt may của Chính phủ.

Tại thời điểm Cổ phần hóa do cơ chế chính sách về Cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp chưa có nên giá trị các đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn quản lý được loại ra không định giá trong giá trị doanh nghiệp của Tập đoàn K1. Vì vậy, Chính phủ giao cho Tập đoàn D2 tạm thời quản lý vốn và nhân sự theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-6-2015 của Văn phòng Chính phủ và Thông báo số 416/TB-BCT ngày 09-12-2015 của Bộ C4 về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp. Tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tập đoàn D2 đều thuộc sở hữu nhà nước, độc lập với vốn, tài sản của Tập đoàn; cơ cấu tổ chức và hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập; được các cơ quan Nhà nước thành lập và quản lý từ khi thành lập cho đến nay. Hiện tại Bộ C4 đang trình Chính phủ phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp do Tập đoàn tạm quản lý.

- Về thực hiện chế độ đối với giáo viên thôi việc: Để chuẩn bị cho việc chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự bầu trách nhiệm thì năm 2015 trước khi Tập đoàn chuyển sang hoạt động theo cơ chế Công ty Cổ phần - đã hỗ trợ T3

sắp xếp lại lao động với số tiền 5,527 tỷ đồng từ kinh phí của Tập đoàn để giải quyết 80 lao động dôi dư theo Nghị định 108/NĐ-CP sau khi phương án tinh giản biên chế của T3 được chấp thuận của Văn phòng C3 (Văn bản số 8109/VPCP-ĐMDN ngày 07-10-2015 về việc giải quyết lao động dôi dư tại Tập đoàn D2), Bộ N1, Bộ T7, Bộ L2 và đề xuất của Bộ C4.

Về thực hiện trả lương cho giáo viên: Trường Cao đẳng C thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, trang trải mọi chi phí nên việc trả lương, lựa chọn phương thức trả lương thuộc quyền và trách nhiệm của T3. Việc trả lương của T3 phải được thực hiện theo nguyên tắc phân phối, trả lương theo vị trí việc làm, theo qui chế phân phối tiền lương của Nhà trường xây dựng và đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, trên cơ sở nguồn thu của T3.

4. Tại Công văn số 2183/BN-TCBC ngày 11-5-2023 của Bộ N1 phúc đáp đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định như sau:

Về việc xác định loại hình trường: Căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Viên chức năm 2010 và các Quyết định thành lập, nâng cấp, đổi tên của Bộ C1 nhẹ nay là Bộ C4, Bộ L2 thì Trường Cao đẳng C được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập.

Về việc áp dụng chính sách giải quyết chế độ đối với số lao động dôi dư tại Trường Cao đẳng C: Căn cứ qui định tại khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ thì chỉ áp dụng đối với các viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, nhà nước tổ chức chính trị xã hội (Không có đối tượng là viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp). Riêng đối với Trường Cao đẳng C trong quá trình sắp xếp, Cổ phần hóa Tập đoàn D2, xét đề nghị của Bộ C4 và ý kiến các bộ ngành có liên quan (Tài chính, N, Lao động -Thương binh và Xã hội), Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý cho áp dụng qui định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP để giải quyết lao động dôi dư (theo đề án tinh giản biên chế của T3 được Bộ C4 phê duyệt), nguồn kinh phí để giải quyết tinh giản biên chế được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ - Tập đoàn D2 trong giai đoạn chuyển đổi thành Công ty Cổ phần (Văn bản số 8109/VPCP-ĐMDN ngày 07-10-2015 của Văn phòng C3).

Về việc trả lương: Tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 06-5-2014 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn D2. Theo đó việc quản lý nhân sự của T3 do Hội đồng quản trị Tập đoàn D2 Quyết định. Trường hợp người làm việc tại Trường Cao đẳng C nếu được xác định là viên chức theo qui định tại Luật Viên chức thì việc trả lương áp dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của Chính phủ về chế độ tiền

lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, việc chi trả lương của Trường Cao đẳng C được thực hiện theo pháp luật về tiền lương, qui chế chi tiêu nội bộ của T3 và hợp đồng lao động được ký kết giữa T3 với từng đối tượng cụ thể.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định cũng đã có công văn đề nghị Bộ C4 và Bộ L2, tuy nhiên cả hai bộ trên đều không có quan điểm phúc đáp văn bản của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

5. Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và bổ sung như sau: Một USB và một văn bản giải trình nội dung ghi âm có chữ ký của ông H1 và bà T. Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc T3 phải thanh toán cho bà Vân H tổng số tiền T3 còn nợ lương, phụ cấp từ ngày 01-01-2014 đến ngày 30-4-2021 là 282.520.776 đồng. Yêu cầu Tòa án tuyên hủy đối với “Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc” số 112/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 do T3 ban hành trái pháp luật. Buộc T3 phải thực hiện quy trình tinh giản biên chế theo đúng trình tự, thủ tục, quy định về việc tinh giản biên chế trong Đơn vị sự nghiệp công lập. Buộc T3 có trách nhiệm bồi thường cho bà Vân H do đã thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật: 06 tháng x 5.621.696 đồng (Lương trước khi nghỉ việc) = 33.730.176 đồng do bà Vân H không đồng ý trở lại T3 làm việc. Buộc T3 phải chi trả tiền lương từ thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc (Ngày 04-5-2021) tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm: 29 tháng x 5.621.696 đồng (Lương khi nghỉ việc) = 157.407.488 đồng. Yêu cầu Tòa án buộc T3 phải xin lỗi bà Vân H công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục, trên trang điện tử và báo giấy của B1 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật. Yêu cầu Tòa án buộc T3 có trách nhiệm bồi thường, chi trả các khoản tiền trợ cấp mất việc theo chính sách tinh giản biên chế số tiền quy định tại Nghị Định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014: Trợ cấp 3 tháng lương hiện hưởng 03 tháng x 5.621.696 đồng (Lương trước khi nghỉ việc) = 16.865.088 đồng; 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm 11 năm 8 tháng x 5.621.696 đồng (Lương trước khi nghỉ việc) = 92.024.802 đồng. Yêu cầu Tòa án buộc T3 có nghĩa vụ bồi thường chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu T3 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tính đến ngày 30-9-2023 là 626.278.506 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm linh sáu đồng).

Tại bản án lao động sơ thẩm số 07/2023/LĐ-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 27 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 39, khoản 1, 2 Điều 41, Điều 46; Điều 90; Điều 94; khoản 1 Điều 190 Bộ Luật Lao động 2019; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 2, khoản 1, 2 Điều 9, khoản 2 Điều 25 Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 1, Điều 6, Điều 10, Điều 12 Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; khoản 2 Điều 1 Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Điều 2, Điều 3 Nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04-7-2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động và Điều 26a Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24-10-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015;

Căn cứ Mục 2 Thông tư số 09/2008/TT-BLDTBXH ngày 27-6-2008 của Bộ L2 hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề; điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT- BGD&ĐT-BNV-BTC ngày Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.



Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân H đối với Trường Cao đẳng C về tranh chấp “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; tranh chấp về tiền lương”.

1. Tuyên bố Quyết định số 112/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng C về việc chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Nguyễn Thị Vân H là trái pháp luật.

Hủy Quyết định số 112/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng C về việc chấm dứt hợp đồng làm việc với bà Nguyễn Thị Vân H và Quyết định số 113/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng C về việc chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với viên chức.

Thời gian chấm dứt hợp đồng làm việc tại Trường đối với bà Nguyễn Thị Vân H kể từ ngày 30-9-2023.

2. Buộc Trường Cao đẳng C phải chi trả bồi thường cho bà Nguyễn Thị Vân H theo chính sách tinh giản biên chế là 92.592.162 đồng (Chín mươi hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn một trăm sáu mươi hai đồng).

3. Buộc Trường Cao đẳng C phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Vân H số tiền lương trong những ngày không được làm việc, kể từ ngày 04-5-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 30-9-2023) là 123.569.424 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

4. Buộc Trường Cao đẳng C phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Vân H 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc là 8.561.392 đồng (Tám triệu năm trăm sáu mươi một nghìn ba trăm chín mươi hai đồng).

5. Buộc Trường Cao đẳng C phải thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà Nguyễn Thị Vân H trong thời gian bà Nguyễn Thị Vân H không được làm việc, chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Vân H theo quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

6. Xác nhận bà Nguyễn Thị Vân H đã nhận của Trường Cao đẳng C số tiền trợ cấp và hỗ trợ thôi việc là 14.348.700 đồng (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm đồng).

Tổng số tiền Trường Cao đẳng C phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Vân H là 224.722.978 đồng. Đối trừ số tiền trợ cấp và hỗ trợ thôi việc bà Nguyễn Thị Vân H đã nhận của Trường Cao đẳng C là 14.348.700 đồng. Trường Cao đẳng C - C còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Vân H tổng số tiền là: 224.722.978 đồng - 14.348.700 đồng = 210.374.278 đồng (Làm tròn là 210.374.000 đồng) (Hai trăm mười triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Vân H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Trường Cao đẳng C chưa thanh toán số tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị Vân H thì hàng tháng Trường Cao đẳng C phải trả cho bà Nguyễn Thị Vân H tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân H về yêu cầu Trường Cao đẳng C từ tháng 01-2014 đến ngày 30-4-2021.

8. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân H về việc buộc Trường Cao đẳng C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Vân H số tiền trợ cấp thôi việc theo Điều 41 của Bộ Luật Lao động năm 2019.

9. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân H về việc buộc Trường Cao đẳng C có nghĩa vụ bồi thường chi phí tố tụng bao gồm phí thuê Luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu Trường Cao đẳng C phải xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của B1 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật đối với bà Nguyễn Thị Vân H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự và kiến nghị cơ quan liên quan hỗ trợ kinh phí cho Trường Cao đẳng C giải quyết chế độ cho người lao động.

Ngày 12-10-2023, bà Nguyễn Thị Vân H làm đơn kháng cáo với lý do: Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm buộc trường cao đẳng C giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ tháng 01-2014 đến hết ngày 3-5-2021 và phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản và các phán quyết liên quan đến yêu cầu bồi thường chi phí tố tụng 10 triệu đồng và yêu cầu xin lỗi công khai.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo và bổ sung:

1. Hội đồng xét xử tính thời hiệu khởi kiện từ thời điểm Bị đơn không trả lương cho bà H là không đúng quy định của luật pháp. Thời điểm tính thời hiệu khởi kiện là thời điểm bà H được biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại.

2. Mức lương làm cơ sở chi trả tiền lương và bồi thường phải bao gồm 30% phụ cấp lương đặc thù công việc.

3. Buộc Bị đơn phải trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động 2019. Lý do: Tại phiên tòa, Bị đơn không đồng ý nhận bà H trở lại làm việc. Bà H cũng đồng ý không quay trở lại làm việc. Do đó được xem là trường hợp thỏa thuận chấm dứt hợp đồng làm việc nên Bị đơn có trách nhiệm phải trả ít nhất 2 tháng tiền lương.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của Bị đơn đã thừa nhận cần trừ số tiền bù trừ phí đóng bảo hiểm xã hội những năm trước. Do đó, số tiền thực trả cho bà H ít hơn số tiền mà bà H đã ký xác nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử Sơ thẩm không xem xét mà buộc bà H phải trả lại số tiền không nhận, là xét xử không khách quan, không toàn diện, không đúng pháp luật.

\* Cụ thể, buộc Trường cao đẳng C phải chi trả các khoản tiền sau cho bà H:

- Số tiền lương còn nợ Nguyên đơn là 282.520.776 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu, năm trăm hai mươi nghìn, bảy trăm bảy sáu đồng*).

- Số tiền hưởng phụ cấp nhà giáo 30% trong phán quyết về bồi thường 02 tháng tiền lương do đã thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp là: 1.341.000 đồng (phụ cấp trước khi nghỉ việc) x 02 tháng = 2.682.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi đồng*)

- Số tiền hưởng phụ cấp nhà giáo 30% trong các phán quyết về khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giản biên chế là: 32.666.967 (*Ba mươi hai triệu, sáu trăm sáu sáu nghìn, chín trăm sáu bảy đồng*)

- Số tiền đã bị nhà trường cần trừ đóng bảo hiểm xã hội là: 10.733.494 (*Mười triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm chín tư đồng*)

- 02 tháng tiền lương do hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng làm việc theo tinh giản biên chế: 5.621.696 (lương trước khi nghỉ việc) \* 02 tháng = 11.243.392 đồng (*Mười một triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng*)

- Chi trả các khoản chi phí tố tụng: 10.000.000 đồng. Như vậy, tổng yêu cầu bồi thường vật chất và chi trả là số tiền: 349.846.629 (*Ba trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm bốn sáu nghìn, sáu trăm hai chín đồng*)

\* Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ

thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Vân H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Vân H được làm trong thời hạn luật định và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Khắc T4, bà Vũ Thị Thanh H4, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S, có đơn xin xét xử vắng mặt, các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn vắng mặt nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt các luật sư. Căn cứ Điều 296 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Khắc T4, bà Vũ Thị Thanh H4, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Vân H đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc trường Cao đẳng C giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ tháng 01-2014 đến hết ngày 3-5-2021 và phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[2.1] Về thời hiệu: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc trường Cao đẳng C có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền lương còn nợ từ tháng 01-2014 đến ngày 03-5-2024. Thực tế việc T3 trả lương cho bà Vân H đã được thực hiện liên tục. Do đó xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp tiền lương được tính kể từ thời điểm thực tế bà Vân H được trả lương lần cuối cùng. Bà Vân H đã được T3 thực tế trả lương lần cuối cùng vào ngày 23-7-2018. Ngày 14-3-2022 bà Vân H nộp đơn khởi kiện tại Toà án. Tính từ ngày cuối cùng được trả lương đến ngày nộp đơn khởi kiện là 03 năm 8 tháng. Tại phiên toà sơ thẩm, T3 có quan điểm yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.. Vì vậy, căn cứ Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, HĐXX sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện về tiền lương của bà Nguyễn Thị Vân H đã hết thời hiệu khởi kiện. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 184 và điểm e khoản 1 Điều 217

Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ.

[2.2] Về mức phụ cấp ưu đãi 30% nhà giáo: Theo mục 2 Thông tư 09/2008/TT-BLĐTĐ ngày 27-6-2008 tiêu chuẩn giờ giảng của giáo viên trong một năm học: Từ 380 đến 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ Cao đẳng và Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐ ngày 10-3-2017 quy định quy chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thì định mức giờ giảng của nhà giáo trong một năm học: Từ 380 đến 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ Cao đẳng. Như vậy, trong giai đoạn từ ngày 01-01-2014 đến ngày 30-4-2021 thì các giáo viên giáo dục nghề nghiệp trình độ Cao đẳng sẽ có định mức giờ dạy là từ 380 đến 450 giờ chuẩn. Theo Quyết định số 184/QĐ-CĐNKTKT ngày 07-5-2014 về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định thuộc Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2013 của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng N nay là Trường Cao đẳng C quy định giáo viên trực tiếp giảng dạy đạt 65% số giờ chuẩn định mức trong năm học trở lên thì được chi trả phụ cấp ưu đãi nhà giáo. T3 có quy chế tính tỷ lệ phần trăm các giờ giảng của giáo viên trong năm học để tính phụ cấp ưu đãi nhà giáo nhưng quy chế này không đạt đủ số giờ giảng tối thiểu theo quy định tại Thông tư 09/2008/TT-BLĐTĐ ngày 27-6-2008 của Bộ L2; Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐ ngày 10-3-2017 của Bộ L2 nên không được chấp nhận.

Theo thống kê giờ giảng của bà Vân H và bảng chấm công do T3 cung cấp thì bà Vân H đã có giờ giảng dạy trong các năm học như sau: Năm học 2014-2015 là 203,4 giờ; năm học 2015-2016 là 140 giờ; năm học 2016-2017 là 0 giờ; năm học 2017-2018 là 0 giờ; năm học 2018-2019 là 0 giờ; năm học 2019-2020 là 0 giờ; năm học 2020-2021 là 0 giờ. Vì vậy, trong năm học từ năm 2014 đến năm 2021 bà Vân H đều không đạt đủ giờ chuẩn trong một năm học. Vì vậy quyết định đã tuyên Toà án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không nộp được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Vân H đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc trường Cao đẳng C phải trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 điều 42 Bộ luật Lao động 2012 và đề nghị xem xét số tiền bà H phải hoàn trả cho bị đơn cũng như việc hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc số 124/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 do bị đơn ban hành trái pháp luật nên bị đơn phải chi trả tiền lương từ thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc là 4-5-2021 đến ngày nhận trở lại làm việc (tạm tính đến ngày xét xử phúc thẩm 19-

3-2024) là 2 năm 10 tháng 15 ngày. Xét thấy, yêu cầu kháng cáo bổ sung trên vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu của nguyên đơn nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về yêu cầu T3 phải xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của B1 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động: Trong pháp luật Lao động, không có quy định nào buộc người sử dụng lao động chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật phải xin lỗi công khai bằng văn bản và đăng trên báo chí. Do đó, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc T3 phải xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của B1 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là có căn cứ.

[2.5] Về yêu cầu buộc T3 có trách nhiệm bồi thường cho chị Vân H các khoản chi phí tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc T3 có trách nhiệm bồi thường các khoản chi phí tố tụng bao gồm chi phí thuê Luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng. Nguyên đơn không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh thể hiện các khoản chi phí nói trên. Hơn nữa, đối với chi phí thuê Luật sư, đây không phải là chi phí hợp lý nên kháng cáo của bà H không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Đối với số tiền nhà trường cần trừ đóng bảo hiểm xã hội :

Căn cứ lời khai của T3, chứng từ của T3 cung cấp và trích sao chứng từ báo cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C5 - Chi nhánh B thì chị Vân H đã nhận tiền trợ cấp thôi việc theo Quyết định số 112/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 và Quyết định số 113/ QĐCĐCNDM ngày 26-4-2021 là 10.733.494 đồng. Do Quyết định số 112/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu Trường về việc chấm dứt hợp đồng làm việc với chị Vân H là trái luật nên Quyết định số 113/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Hiệu Trường về việc chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với chị Vân H đương nhiên không có hiệu lực nên toàn bộ các khoản T3 đã chi trả, chị Vân H phải hoàn lại cho T3. Đối trừ số tiền phải trả cho chị Vân H, T3 còn phải trả cho chị Vân H tổng số tiền là: 224.722.978 đồng - 14.348.700 đồng = 210.374.278 đồng (Làm tròn là 210.374.000 đồng). Vì vậy kháng cáo của chị Vân H đối với số tiền cần trừ đóng bảo hiểm xã hội là không có căn cứ.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Vân H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 12; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do bà Nguyễn Thị Vân H thuộc trường hợp người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm..... nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 12; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân H; Giữ nguyên các quyết định của bản án lao động sơ thẩm số 07/2023/LĐ-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Án phí lao động phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Vân H được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Minh Hồng**